

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HS-ST
Ngày 22 tháng 01 năm 2025

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC - TỈNH VĨNH PHÚC**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bình Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bùi Thị Kim Thanh

2. Bà Ngô Thị Kim Thêu

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc tham gia phiên tòa:*
Bà Nguyễn Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21, 22 tháng 01 năm 2025, tại Hội trường xét xử tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2025/TLST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo:

Phạm Văn C, ngày 20 tháng 7 năm 1983; Nguyên quán: xã Nghĩa Hồng, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 18, phường Tân C, quận Thanh Khê, tHnh phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn P, sinh năm 1951 và bà Phạm Thị Đông, sinh năm 1954; vợ: Đặng Thị Thùy Trâm, sinh năm 1991 (đã ly hôn); con: Có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 25/8/2024 đến nay, (có mặt).

Bị hại: Ông Nguyễn Xuân C1, sinh năm 1966 và bà Lại Thị H, sinh năm 1974; đều có địa chỉ: Thôn Yên Lạc 4, xã Đồng Văn, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, (Ông C1, bà H vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1989; địa chỉ: Đội 2, xã Nghĩa Hồng, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định, (Có mặt).

Người làm chứng:

1/Anh Nguyễn Khắc F, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn Nhân Lý, xã Tề Lỗ, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, (Vắng mặt).

2/ Anh Đinh Văn G, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn Đông Đình, xã Văn Xuân, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, (Vắng mặt).

3/Anh Phạm Đăng K, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn Đông Đình, xã Văn Xuân, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, (Vắng mặt).

4/ Ông Phạm Văn P, sinh năm 1951; địa chỉ: Đội 2, xã Nghĩa Hồng, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định, tỉnh Vĩnh Phúc, (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 8/2020, Phạm Văn C (đang lao động tự do trên địa bàn xã Tề Lỗ, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc), thông qua ông Nguyễn Khắc F C quen biết với ông Nguyễn Văn C1, được biết tháng 7/2020, Nguyễn Văn Khương và Nguyễn Đức Tài (là con trai ông bà C1 H) bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Lạc khởi tố, bắt tạm giam về Hình vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại quán karaoke Kingdom tại địa chỉ: xã Đồng Cương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Tại thời điểm này, C không có công ăn việc làm, nợ nần nhiều nên C đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của ông bà C1 H để lấy tiền trả nợ và tiêu sài cá nhân. Quá trình gặp mặt nói chuyện với ông C1, Phạm Văn C giới thiệu bản thân có mối quan hệ xã hội với người có chức vụ quyền hạn và Luật sư nên có thể giúp gia đình ông C1 chạy giảm án cho hai con trai từ khoản 2 xuống khoản 1 với mức hình phạt nhẹ hơn với giá tiền là 460.000.000 đồng, ông C1 đồng ý và nói chờ sắp xếp để lo tiền.

Ngày 19/01/2021, tại quán cà phê Xưa và Nay ở thị trấn Yên Lạc, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, C và ông C1 đồng ý thỏa thuận với nhau về nội dung trên. Sau đó, ông C1 đồng ý gọi điện thoại cho vợ là bà H để bảo bà H chuyển số tiền 460 triệu đồng cho C qua số tài khoản 10221465969029 tại ngân hàng Techcombank mang tên Phạm Văn C. Bà H đã đưa tiền cho con dâu là Lương Thị Huyền Trang đến phòng giao dịch của ngân hàng Vietinbank tại xã Đồng Văn, huyện Yên Lạc chuyển số tiền 460 triệu đồng vào tài khoản trên của C theo như thỏa thuận. Khoảng 30 phút sau, C nhận được tiền rồi cùng ông C1 ra về.

Sau khi nhận tiền của ông C1, C không đưa cho ai để lo xin “chạy” giảm án cho con ông C1 mà sử dụng để trả nợ và chi tiêu cá nhân hết. Tuy vậy, để ông C1 tin tưởng, C đã đi cùng với ông C1 đến cổng Công an tỉnh Vĩnh Phúc. Khi đến nơi C để ông C1 đợi ở ngoài, còn C đi vào trong trụ sở Công an tỉnh giả như đến gặp ông Đinh Ngọc Khoa Giám đốc Công an tỉnh để nhờ “chạy án”. Tuy nhiên, thực tế C chỉ vào trong trụ sở như người đến làm việc bình thường, không gặp gỡ ai, không đưa tiền cho ai để “chạy án”. Khoảng 15 phút sau, C đi ra nói dối ông

C1 là đã gặp ông Khoa Giám đốc Công an tỉnh và ông Khoa đã đồng ý giúp đỡ việc xin giảm án cho con ông C1 để ông C1 yên tâm. Lấy lý do phải chi phí đi lại nên C yêu cầu ông C1 đưa cho C thêm hai lần tiền, lần thứ nhất 5.000.000 đồng và lần thứ hai 2.000.000 đồng bằng tiền mặt, ông C1 đã thực hiện theo yêu cầu của C. Tổng số tiền ông Nguyễn Văn C1 đưa cho Phạm Văn C để chi phí xin “chạy” giảm án cho con ông C1 là: 467.000.000 đồng.

Khi đưa tiền cho C không có giấy tờ gì ghi nhận nên vài ngày sau, ông C1 gọi điện thoại cho C đến nH của ông C1 để nói chuyện và viết giấy xác nhận việc ông C1 đưa tiền cho C để xin “chạy” giảm án cho con ông C1. Tại đây, ông C1, bà H nói lý do đưa tiền cho C “chạy án” nhưng không có giấy tờ gì nên không yên tâm. Vì vậy, ông bà C1 H đề nghị C viết giấy xác nhận việc C đã nhận tiền để yên tâm. C đồng ý và bảo bà H viết giấy C sẽ ký xác nhận. Bà H đưa cho C xem một trang giấy vở học sinh viết có nội dung ông bà C1 H đưa cho C số tiền 460 triệu đồng để lo “chạy án” cho con ông bà C1 H. Khi xem tờ giấy này, C không đồng ý ký vì cho rằng hiện đang chống tham nhũng mà viết nội dung “chạy án” thì không tốt cho C nếu giấy này bị lộ ra ngoài. C nói sẽ viết cho ông bà C1 H một giấy vay nhận nợ số tiền trên để hợp thức và để ông bà C1 H yên tâm. Ông bà C1 H đồng ý, thì C tự viết một giấy vay mượn có nội dung là C có vay mượn của ông Nguyễn Văn C1 và bà Lại Thị H số tiền là 460 triệu đồng trong thời gian 02 tháng, không tính lãi suất đề ngày 19/01/2021 trùng với ngày ông C1 chuyển tiền vào tài khoản cho C để ông bà C1 H yên tâm và tin tưởng. Xong C chuyển lại giấy vay tiền này cho ông bà C1 H và ra về.

Ngày 05/02/2021, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc đã đưa ra xét xử vụ án “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và tuyên phạt Nguyễn Văn Khương 07 năm 03 tháng tù giam; Nguyễn Đức Tài 07 năm 06 tháng tù giam về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Do thấy C không lo được việc theo thảo thuận, ông Nguyễn Văn C1 yêu cầu Phạm Văn C trả lại toàn bộ số tiền C đã nhận của vợ chồng ông để “chạy án”. Lúc này, C đã sử dụng hết số tiền nhận của ông bà C1 H vào việc trả nợ và chi tiêu cá nhân, không có khả năng trả lại nhưng C vẫn nói sẽ trả lại tiền cho ông C1 để ông C1 yên tâm.

Vì không có tiền nên C nhiều lần hứa hẹn trả tiền cho ông C1 và để kéo dài thời gian, trốn tránh không gặp gỡ, không liên lạc với ông C1 nên khi ông C1 gọi cho C thì có lúc C nghe máy, lúc C không nghe. Nếu nghe máy C lại giả vờ hứa hẹn sẽ lo tiền cho ông C1 trong khoảng thời gian nhất định để ông C1 yên tâm, không đòi tiền C nữa, nhưng thực tế C không khả năng trả lại tiền cho ông C1. Đến ngày 18/3/2021, khi C đang ở nH nghỉ “Anh Tuấn” tại xã Tề Lỗ, huyện Yên Lạc thì ông C1 gọi điện thoại cho C yêu cầu C đến nH ông C1 để nói

chuyện, C đồng ý. Tại nh ông C1, C gặp Phạm Đăng K và Đinh Văn G cùng thường trú tại thôn Đông Đình, xã Vân Xuân, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Ông C1 yêu cầu C trả hết số tiền 467 triệu đồng. Nếu C không có tiền thì phải ký hợp đồng giả cách thuê xe ô tô của G để cầm cố cho K lấy tiền trả cho ông C1 để C có trách nhiệm trả tiền. Lúc này, C biết anh G và K đều là người ông C1 đưa đến, quen biết với ông C1 nên C hiểu ý ông C1 muốn C viết giấy thuê xe sau đó cầm cố để trả tiền cho ông C1 là nhằm mục đích nếu C không trả đúng hạn thì C sẽ phạm tội hình sự về Hnh vi thuê xe ô tô rồi mang đi cầm cố. C đồng ý viết giấy hợp đồng thuê xe của anh G sau đó cầm cố cho anh K nhưng C yêu cầu trong hợp đồng thuê xe thì anh G phải đồng ý cho C cầm cố trong vòng 01 tháng để C có thời gian kiếm tiền trả. Anh G, anh K và ông C1 đều đồng ý. Sau đó, tại nh ông C1, G viết hợp đồng cho C thuê xe ô tô nhãn hiệu Kia K3, Biển kiểm soát 88A-399.76, K viết giấy cho C vay số tiền 467 triệu đồng thể hiện việc C để lại xe ô tô Kia K3, Biển kiểm soát 88A-399.76 và giấy tờ xe để làm tin. C đã ký ghi rõ họ tên vào hai giấy này. Sau khi ký giấy vay tiền của K, C yêu cầu rằng C chỉ nhận nợ một người (hoặc là anh K, hoặc anh chị C1 H) vì thực tế C không được thuê xe, và cầm cố xe mà chỉ là hợp thức việc C nhận tiền của ông C1. Do đó, C yêu cầu bà Lại Thị H hủy giấy vay mượn số tiền 460 triệu đồng C viết trước đây, nhưng bà H nói là không tìm thấy giấy này. Vì vậy, bà H lấy một tờ giấy biên lai chuyển tiền ngân Hng và viết vào mặt sau tờ giấy này xác nhận bà H đã nhận đủ số tiền 460 triệu đồng đưa cho C giữ. Sau đó, C ra về và cầm giấy biên lai có chữ viết của bà H đưa cho bố để C là ông Phạm Văn P cất giữ.

Sau khi hết thời hạn ghi trong giấy vay tiền và thuê xe nêu trên, C không có khả năng lo tiền để trả cho ông bà C1 H, ông C1 nhiều lần gọi điện thoại, nhắn tin cho C yêu cầu trả tiền nhưng C đều nói dối rằng sẽ lo tiền trả ông C1 trong một khoảng thời gian nhất định để ông C1 yên tâm, nhưng thực tế Phạm Văn C không có nghề nghiệp ổn định để làm có tiền trả lại cho ông C1. Sau nhiều lần đòi tiền không được thì ông C1 đã viết đơn tố giác C với Cơ quan Công an đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra, Phạm Văn C thường xuyên vắng mặt tại địa phương. Ngày 08/01/2023, Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm đối với C theo quy định. Ngày 28/01/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Lạc đã ra Quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết nguồn tin về tội phạm đối với tố giác về tội phạm của ông Nguyễn Văn C1. Ngày 23/8/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Lạc đã ra Quyết định phục hồi việc giải quyết nguồn tin về tội phạm nêu trên với lý do Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Lạc đã triệu tập được Phạm Văn C là người bị tố giác theo đơn tố giác của ông Nguyễn Văn C1. Cơ quan điều tra đã tạm giữ

01 chiếc USB nhãn hiệu KIOXIA, dung lượng 32GB; 01 chiếc USB nhãn hiệu TOSHIBA, dung lượng 04GB; 01 chiếc USB nhãn hiệu TOSHIBA, dung lượng 16GB; 02 chiếc USB nhãn hiệu TOSHIBA, dung lượng 08GB do ông Nguyễn Văn C1 tự nguyện giao nộp.

Tiền Hnh sao kê tài khoản ngân Hng 10221465969029 tại ngân Hng Techcombank của Phạm Văn C xác định trong ngày 19/01/2021, C đã nhận được số tiền 460 triệu đồng từ chị Lương Thị Huyền Trang. Sau đó, C đã trả nợ tiền vay cho anh Châu Ngọc Lâm, ở thôn Giã Bàng 3, xã Tề Lỗ, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc và rút tiền mặt tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 25/8/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Lạc đã ra các quyết định trưng cầu giám định số 1285; 1286; 1287; 1288/QĐ-ĐTTH, trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định kỹ thuật số điện tử đối với các video do ông Nguyễn Văn C1 giao nộp. Ngày 25/10/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Lạc đã nhận được các bản kết luận giám định như sau:

Bản Kết luận giám định số 3011/KL-KTHS, ngày 21/10/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc, kết luận:

- *Không phát hiện thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa về nội dung diễn biến đối với tệp tin video cần giám định.*

- *Trích xuất được 09 (chín) ảnh theo nội dung yêu cầu giám định, toàn bộ ảnh chụp và thuyết minh được thể hiện trong Bản ảnh giám định.*

- *Tệp tin video gửi giám định được sao lưu vào đĩa DVD.*

Bản Kết luận giám định số 3012/KL-KTHS, ngày 21/10/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc, kết luận:

- *Không phát hiện thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa về nội dung diễn biến đối với tệp tin video cần giám định.*

- *Trích xuất được 04 (bốn) ảnh diễn biến theo yêu cầu, toàn bộ ảnh chụp và thuyết minh được thể hiện trong Bản ảnh giám định.*

- *Tệp tin video gửi giám định được sao lưu vào đĩa DVD.*

Bản Kết luận giám định số 3013/KL-KTHS, ngày 21/10/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc, kết luận:

- *03 (ba) tệp tin video lưu trong mẫu cần giám định là hình ảnh ghi lại màn hình của thiết bị khác đang phát video, do vậy không xác định được các tệp tin video được phát này có bị cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hay không.*

- *Trích xuất được 12 (mười hai) ảnh người xuất hiện trên 03 (ba) video được phát từ thiết bị khác, toàn bộ ảnh được in tHnh văn bản.*

- 03 (ba) tệp tin video gửi giám định được sao lưu vào đĩa DVD.

Bản Kết luận giám định số 3014/KL-KTHS, ngày 21/10/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc, kết luận:

- Không phát hiện thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa về nội dung diễn biến xuất hiện trong tệp tin video cần giám định.

- Trích xuất được 10 (mười) ảnh theo nội dung yêu cầu, toàn bộ ảnh chụp và thuyết minh được thể hiện trong Bản ảnh giám định.

- Tệp tin video gửi giám định được sao lưu vào đĩa DVD.

Ngày 25/8/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Lạc ra Quyết định trưng cầu giám định số 1289/QĐ-ĐTTH trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định âm thanh đối với 06 video do ông Nguyễn Văn C1 giao nộp. Ngày 23/9/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Lạc nhận được thông báo số 82/TCGD-KTHS của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc về việc từ chối Quyết định trưng cầu giám định số 1289/QĐ-ĐTTH của Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Lạc với lý do: *Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc không có đủ năng lực, điều kiện cần thiết cho việc thực hiện giám định.*

Ngày 01/10/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Lạc ra Quyết định trưng cầu giám định số 1515/QĐ-ĐTTH trưng cầu Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an giám định âm thanh đối với 01 (một) chiếc USB nhãn hiệu KIOXIA, dung lượng 32GB bên trong có chứa 06 (sáu) tệp tin video do ông C1 giao nộp như sau:

- “2021_02_02_13_32_IMG_9642.mov” có thời lượng 22 phút 01 giây. Ký hiệu A1.

- “2021_03_18_20_14_IMG_5982.mov” có thời lượng 12 phút 16 giây. Ký hiệu A2.

- “5764519547886.mp4” có thời lượng 07 phút 05 giây. Ký hiệu A3.

- “5764519564589.mp4” có thời lượng 05 phút 59 giây. Ký hiệu A4.

- “5764519584133.mp4” có thời lượng 04 phút 23 giây. Ký hiệu A5.

- “VIDEO_DOWNLOAD_1658392644984_1658392835818.mp4” có thời lượng 03 phút 30 giây. Ký hiệu A6.

Ngày 25/10/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Lạc nhận được bản Kết luận giám định số 7553A/KL-KTHS ngày 16/10/2024 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an, kết luận:

- Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung âm thanh, hình ảnh trong các tệp tin video ký hiệu A1, A2, A6 cần giám định.

- Nội dung âm thanh trong các tệp tin video ký hiệu A1, A2, A6 cần giám định đã được dịch ra thành văn bản.

- Không xác định được nội dung các tệp video ký hiệu A3, A4, A5 cần giám định có bị cắt ghép chỉnh sửa hay không do nội dung được ghi lại qua màn hình thiết bị khác. Không tiến hành chuyển nội dung hội thoại trong các tệp video này thành văn bản.

Sau khi nhận được các bản kết luận giám định trên, Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Lạc đã thông báo cho ông Nguyễn Văn C1, bà Lại Thị H và Phạm Văn C biết, đều đồng ý với nội dung kết luận giám định, không có ý kiến thắc mắc gì khác. Bản thân C khai nhận nội dung video đúng là cuộc trò chuyện giữa C và ông C1, bà H liên quan đến việc C nhận tiền “chạy án” cho con ông C1.

Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 chiếc USB nhãn hiệu KIOXIA, dung lượng 32GB; 01 chiếc USB nhãn hiệu TOSHIBA, dung lượng 04GB; 01 chiếc USB nhãn hiệu TOSHIBA, dung lượng 16GB; 02 chiếc USB nhãn hiệu TOSHIBA, dung lượng 08GB do ông Nguyễn Văn C1 tự nguyện giao nộp. Quá trình điều tra xác định các đồ vật trên là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Văn C1. Ngày 09/12/2024, cơ quan điều tra đã trả lại ông C1.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị cáo đã tác động gia đình trả lại cho ông Nguyễn Văn C1 và bà Lại Thị H số tiền 467 triệu đồng đã chiếm đoạt để khắc phục hậu quả. Ông C1, bà H đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu đề nghị gì về dân sự, đồng thời có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ hình phạt đối với Phạm Văn C.

Tại cáo trạng số 12/CT-VKS ngày 07 tháng 01 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc truy tố Phạm Văn C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc luận tội đối với bị cáo Phạm Văn C và giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn C từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam (ngày 25/8/2024)), miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo nhất trí với luận tội của đại diện viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng bị cáo xin hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện

kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý K hoặc khiếu nại về Hình vi, quyết định của Cơ quan tiến Hành tố tụng, người tiến Hành tố tụng. Do đó các Hình vi, quyết định của Cơ quan tiến Hành tố tụng, người tiến Hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị hại vắng mặt tại phiên tòa nhưng không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục giải quyết vụ án.

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, phù hợp lời khai của bị hại tại cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng và các tài liệu khác đã được thu thập đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Do cần tiền để tiêu xài cá nhân nên ngày 19/01/2021, Phạm Văn C đã đưa ra các thông tin gian dối, sai sự thật để lừa đảo chiếm đoạt số tiền 467.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn C1 và bà Lại Thị H.

Hình vi nêu trên của Phạm Văn C đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 BLHS 2015.

Điều luật quy định: “1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá ...

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng”.

Do đó bản cáo trạng số 12/CT-VKS ngày 07 tháng 01 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo Phạm Văn C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hình vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân. Do vậy phải xử lý nghiêm trước pháp luật để cải tạo riêng đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đó là tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại, tHnh khẩn khai báo, ăn năn hối cải và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đó là có bố để được tặng thưởng Huy chương kháng chiến, Huy chương chiến sỹ giải phóng và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt.

Xét thấy bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được quy định của pháp luật, mặc dù thấy trước Hnh vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của mình là vi phạm pháp luật nhưng do muốn có tiền tiêu xài cá nhân dẫn đến việc phạm tội. Vậy cần phải xử phạt bị cáo một mức hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, tương xứng với Hnh vi phạm tội của bị cáo, để giáo dục cải tạo bị cáo trở tHnh người có ích cho gia đình và xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định và không có tài sản gì nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 467 triệu đồng chiếm đoạt của ông C1 và bà H, ông C1 và bà H đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu đề nghị gì nên hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 chiếc USB nhãn hiệu KIOXIA, dung lượng 32GB; 01 chiếc USB nhãn hiệu TOSHIBA, dung lượng 04GB; 01 chiếc USB nhãn hiệu TOSHIBA, dung lượng 16GB; 02 chiếc USB nhãn hiệu TOSHIBA, dung lượng 08GB do ông Nguyễn Văn C1 tự nguyện giao nộp. Quá trình điều tra xác định các đồ vật trên là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Văn C1. Ngày 09/12/2024, cơ quan điều tra đã trả lại ông C1 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Bị cáo bị cáo sử dụng số tiền lừa đảo được của ông C1, bà H dùng vào việc thanh toán tiền mua bán Hng phục vụ kinh doanh và sinh hoạt cá nhân, nay bị cáo không nhớ cụ thể đã thanh toán cho ai và chi phí sinh hoạt như thế nào nên cơ quan Cảnh sát điều tra không có cơ sở để xác minh.

Anh Phạm Văn T là em trai ruột của bị cáo đã bồi thường cho ông C1, bà H 467.000.000 đồng. Ông C1, bà H không có yêu cầu đề nghị gì, anh Tuấn và bị cáo không yêu cầu Tòa giải quyết số tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn C 07 (Bảy) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp Hnh hình phạt tù tính từ ngày tạm giam (ngày 25/8/2024).

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tổ tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Văn C phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- VKSND huyện Yên Lạc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an huyện Yên Lạc;
- Cơ quan thi hành án hình sự, Công an huyện Yên Lạc;
- Chi cục THADS huyện Yên Lạc;
- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bình Thuận

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

